

- [1] Các văn kiện nghị quyết Trung ương (khoá IX, X) có liên quan từ năm 2001 đến nay.
- [2] Các báo cáo của Quốc hội và Chính phủ về những vấn đề liên quan đã công bố trên báo *Nhân dân* và các phương tiện thông tin đại chúng khác từ năm 2006 đến nay.
- [3] Một số báo điện tử và trang web: *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*, *Nhân dân điện tử*, tạp chí *Cộng sản điện tử*, thời báo *Kinh tế Việt Nam điện tử*, *Đầu tư nước ngoài*, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường...
- [4] Một số bài báo liên quan của Trần Anh Phương và các tác giả khác đã đăng trên các tạp chí khoa học và báo chuyên ngành từ nhiều năm qua đến nay: *Nghiên cứu Kinh tế*; *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, *Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, *Thị trường và Tài chính*, *Thị trường và Tài chính*...



KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ VIỆT NAM HỌC LẦN THỨ BA
TIỂU BAN KINH TẾ VIỆT NAM



CÁC CHIẾN LƯỢC THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

GS.TS Sikander Khan*

1. Giới thiệu

Lãnh thổ Việt Nam có diện tích 331,000km² (xem hình 1), ở trung tâm của khu vực phát triển năng động nhất trên thế giới, rất gần các nền kinh tế phát triển nhanh và mạnh của thế giới [16].

Cuộc chiến tranh khốc liệt nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới II đã chấm dứt ở Việt Nam năm 1975. Đất nước bị tàn phá nghiêm trọng, nhất là trong lĩnh

* Trường Đại học Quản lý Fudan, Chương trình Quản trị Kinh doanh Quốc tế IMBA, Trường Quản lý Cao cấp MIT Sloan, Thượng Hải, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, 200433.

vực cơ sở hạ tầng. Cho đến nay, Việt Nam vẫn tụt hậu trong lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng.

Việt Nam có 58 tỉnh và 5 thành phố trực thuộc trung ương. Những thành phố lớn của Việt Nam là Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố cảng Hải Phòng, cố đô Huế, Nha Trang, Vinh, Đà Nẵng và Vũng Tàu [2].

Các nhà đầu tư đang phải giải quyết vấn đề về gia tăng tiền công ở các nền kinh tế tiên tiến của họ đã nhận thấy Việt Nam là một vị trí sản xuất với chi phí thấp. Ngoài ra, họ cũng đầu tư vốn vì cơ cấu chi phí tương đối thấp của Việt Nam và vị trí ở gần các thị trường phát triển nhanh của Đông Nam Á và Đông Á [1].

Việt Nam có tiềm năng trở thành một đất nước giàu với rất nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên như đất nông nghiệp, dầu khí, than, bauxite (bôxít) và các nguồn khoáng sản khác, tiềm năng thủy điện đáng kể, có tiềm năng mạnh về lâm nghiệp và ngư nghiệp. Ngoài ra, với những ưu thế về các nguồn lực tự nhiên và văn hoá, Việt Nam đang phát triển nhanh ngành du lịch của mình.

Những lợi thế tương đối, như các nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, thị trường nội địa lớn bao gồm 85 triệu người chăm chỉ, trình độ giáo dục tương đối tốt và lực lượng lao động có tay nghề với tiền công thực tế thấp hơn mức trung bình châu Á, cùng với tình hình chính trị ổn định, làm cho Việt Nam là một trong những ứng viên quan trọng nhất về thu hút FDI (đầu tư trực tiếp nước ngoài) ở Đông Nam Á nói riêng và thế giới nói chung [11].

Chính phủ có cam kết về tự do hoá nền kinh tế. Với tình hình chính trị ổn định, môi trường kinh tế và pháp lý phù hợp bảo đảm an toàn tối đa cho các hoạt động kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài, môi trường cho đầu tư và kinh doanh ở Việt Nam là rất hấp dẫn FDI.

Hơn 70 khu công nghiệp và khu chế xuất đã được thành lập ở Việt Nam. Mục tiêu của khu công nghiệp và khu chế xuất là thu hút đầu tư nước ngoài, tạo ra các cơ hội về việc làm, tạo ra các nguồn cho xuất khẩu và hấp thụ công nghệ tiên tiến, kỹ thuật quản lý và gia tăng doanh thu ngoại tệ.

Một số lớn khuyến khích đã được dành cho các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào các khu công nghiệp và khu chế xuất. Ngoài ra, các nhà đầu tư cũng được hưởng lợi từ cơ sở hạ tầng được nâng cấp bên trong và bên ngoài các khu công nghiệp, khu chế xuất và các cơ sở sản xuất - dịch vụ hiện đại [7], [18].

Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)

Việt Nam là thành viên của WTO từ tháng Giêng năm 2007. Với vai trò là thành viên WTO, Việt Nam được kỳ vọng nâng cấp môi trường hoạt động kinh doanh. Chính phủ đang thúc đẩy các kế hoạch của mình nhằm cải cách các công ty

nhà nước (SOE) và có những kỳ vọng rằng Việt Nam sẽ thực hiện cam kết WTO của mình về tự do hoá thương mại [11].

Việt Nam đã tham gia ASEAN (Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á) trong tháng 7/1995.

2. Các chỉ số kinh tế

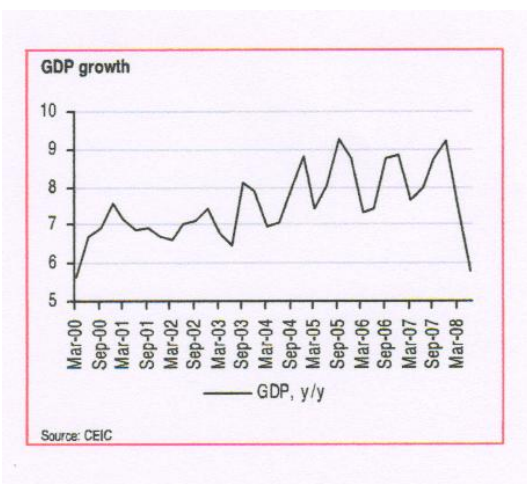
GDP (tổng sản phẩm nội địa) của Việt Nam trong thập kỷ vừa qua (từ 1997 đến 2007) vẫn giữ được tăng trưởng ở mức 6.8% một năm (xem hình 2). Trong năm 2008, GDP dự kiến tăng ở mức 6.2% một năm. Tổng GDP năm 2007 là 70 tỷ USD. GDP một người đạt mức 814 USD trong năm 2007 [4], [6], [15]*.

Lạm phát

Trong những năm qua, mức lạm phát hàng năm đã hơn 26%. Gia tăng giá thế giới cho dầu mỏ và lương thực cũng đã làm trầm trọng thêm tình hình lạm phát ở Việt Nam. Tuy nhiên, lạm phát đã giảm lần đầu tiên trong thời gian hơn một năm về mức 25% (xem Hình 3). Lạm phát dự kiến tiếp tục giảm do giảm giá quốc tế về dầu và lương thực. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong tháng 11/2008 đã cắt 2% lãi suất đến mức 12% [6], [14].

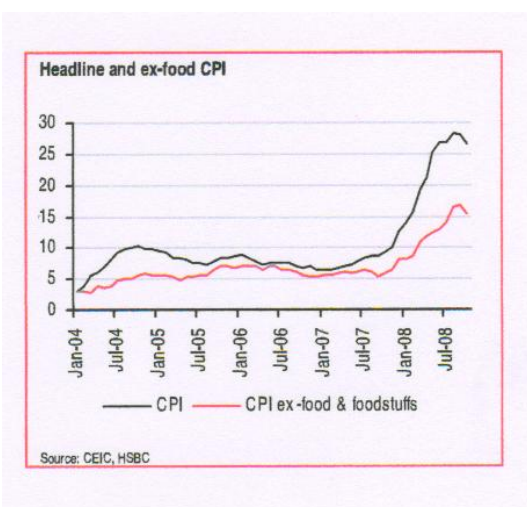
Ngoại thương và thâm hụt thương mại

Căn cứ vào bảng cân đối thanh toán, xuất khẩu đạt 48,6 tỷ US\$ trong năm 2007, tăng 22%/năm, trong khi nhập khẩu tăng khoảng 38% đạt mức 58,9 tỷ US\$. Do đó, thâm hụt thương mại đạt mức dự kiến 10,4 tỷ US\$, gia tăng từ mức 2,8 tỷ US\$ của năm 2006.



Hình 2.

Nguồn: HSBC [6]



Hình 3.

Nguồn: HSBC [6]

Trong 10 tháng đầu tiên (từ tháng Giêng đến tháng 10/2008) của năm này, thâm hụt thương mại lúc này đứng ở mức 16,4 tỷ US\$ so với 9,2 tỷ US\$ trong cùng thời kỳ của năm trước. [17], [19].

Tiền gửi về từ nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2008 là 5 tỷ US\$ gia tăng gần 30% so với 6 tháng đầu năm 2007. Chính phủ dự kiến tiền gửi về từ nước ngoài vào khoảng 8 tỷ US\$ trong năm 2008 [3].

Dự trữ ngoại tệ là lành mạnh, vào khoảng 23 tỷ US\$. Đồng Việt Nam (VND) là yếu so với US\$. Trong tháng 10/2008, 1 US\$ đổi được 16.179 VND [6].

Thị trường chứng khoán Việt Nam

Thị trường chứng khoán Việt Nam sụt giảm cùng với các thị trường quốc tế khác trong tháng 10/2008. Tính cho 12 tháng đến hiện thời, giá trị cổ phiếu đã giảm 64% theo các điều khoản US\$. Mức độ này lớn hơn đáng kể so với mức giảm 52% của châu Á nói chung. Chỉ có chỉ số cổ phiếu của Trung Quốc có mức giảm lớn hơn (67%). Cổ phiếu Việt Nam đã bị giảm giá 71% so với giá trị của chúng so với đỉnh của chúng trong tháng 3/2007 [5].

Thị trường lao động

Chi phí tiền công cho lao động trình độ bình thường vẫn ở mức thấp nhưng có những thiếu hụt về lao động lành nghề. Chuyển đổi công việc của công nhân viên Việt Nam cũng là một vấn đề lớn. Nhìn chung, khó giữ người Việt Nam có kỹ năng và có tài trong thời gian dài.

Triển vọng về chính sách kinh tế

Việt Nam phải kiểm soát lạm phát, giảm nhập khẩu, thắt chặt chính sách tiền tệ, cắt giảm chi phí công và giảm thâm hụt tài khoản vãng lai. Chính phủ đã đang chấp nhận chính sách này, mặc dù có một thực tế là nó sẽ làm giảm tăng trưởng kinh tế [14].

Trong năm 2007 và trong nửa đầu của 2008, kinh tế Việt Nam đã được thúc đẩy do giá dầu mỏ tăng mạnh theo xu hướng tiếp tục gia tăng của giá dầu thế giới. Tuy nhiên, cùng với xu hướng giảm giá dầu thế giới, trong nửa đầu của 2008, đã có nhân tố tiêu cực ảnh hưởng đến Việt Nam về phương diện tăng thuế doanh thu đối với ngành dầu khí.

3. So sánh Việt Nam với Trung Quốc và Ấn Độ

Bảng 1 dưới đây cho thấy rằng trong năm 2007 Trung Quốc đã có mức tăng trưởng cao nhất là hơn 9% một năm, Việt Nam tiếp nối sau với mức 8,2%. Ấn Độ có mức tăng trưởng 8%. Trong trường hợp của Trung Quốc, ngành công nghiệp đã có phần đóng góp lớn nhất trong toàn bộ nền kinh tế trong khi ngành dịch vụ có phần đóng góp lớn nhất ở Ấn Độ. Trung Quốc được coi như là công xưởng thế giới. Tuy nhiên, Trung Quốc chỉ bảo đảm những công việc với tiền công thấp cho một số lớn người lao động, và giá trị gia tăng thì rất thấp trong chuỗi cung cấp giá trị [9], [12], [13].

Bảng 1. So sánh giữa các đất nước

	Trung Quốc	Ấn Độ	Hàn Quốc	Nhật Bản	Việt Nam
Tăng trưởng GDP (%)	9,9	8	3,9	2,7	8,2
Nông nghiệp	14,4	20,6	3,7	1,3	19,8
Công nghiệp	53,1	28,1	40,1	25,3	42,1
Dịch vụ	32,5	51,4	56,3	73,5	38,1

(Nguồn: CIA, *Sách Tìm hiểu Thế giới* 2008
và Bộ Tài chính Việt Nam, Hà Nội)

Trong trường hợp của Ấn Độ, ngành dịch vụ không tạo ra một số lớn công việc nhưng giá trị gia tăng thì rất cao. Một trong những câu hỏi phát sinh là tại sao Trung Quốc đã tập trung nhiều thế vào ngành sản xuất và Ấn Độ tập trung vào các ngành dịch vụ? Có phải chăng những mức tăng trưởng kinh tế cao này dẫn đến sự phát triển kinh tế, giảm thất nghiệp và nâng cao mức sống cho người nghèo? Việt Nam đang đi theo con đường trung dung [10].

4. Tổng quan đầu tư FDI vào Việt Nam

Việt Nam đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi các cuộc khủng hoảng năm 1997, cụ thể là FDI đã giảm mạnh ở Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam bắt đầu khôi phục từ năm 2002. Nền kinh tế Việt Nam bắt đầu tăng trưởng và FDI đã có gia tăng rõ từ năm 2003.

FDI được thu hút vào Việt Nam đạt 5,8 tỷ US\$ trong năm 2005 và 12 tỷ US\$ trong năm 2006. Trong năm 2007, FDI tăng mạnh đến mức 20 tỷ US\$ [14].

Theo một khảo sát do Hội đồng Kinh doanh Châu Á thực hiện, Việt Nam được xếp thứ ba về thu hút đầu tư trong số các nước châu Á trong thời kỳ 2007 - 2009, xếp sau Trung Quốc và Ấn Độ (Xem Bảng 2).

Bảng 2. FDI vào Việt Nam, nửa đầu của 2008 (phân loại theo đất nước) [4], [14]

Đất nước	Vốn đăng ký (triệu US\$)
----------	--------------------------

Đất nước	Vốn đăng ký (triệu US\$)
Đài Loan	8.171,00
Nhật Bản	7.108,00
Canada	4.233,00
Singapor	3.563,00
Đảo Virgin	2.710,00
Malaysia	1.569,00
Mỹ	1.353,00
Hàn Quốc	614,00
Vương quốc Anh	537,45
Thái Lan	200,08
Hồng Kông	188,03
Trung Quốc	114,49
Đức	53,30
Brunei	37,93
Bulgaria	12,00
Ấn Độ	3,02
...	...
TỔNG	30.946,90

Chính phủ Việt Nam cam kết đầy đủ về cải cách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư FDI. Luật về FDI đã được ban hành lần đầu tiên trong tháng 2/1987 và từ đó Luật này đã được sửa đổi một số lần để thoả mãn các nhu cầu của các nhà đầu tư.

Việt Nam đang đưa ra những chính sách hỗ trợ, khuyến khích cho các nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời cũng thực hiện các cam kết của mình đối với WTO. Những bước đi bình thường này đã làm gia tăng niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài để đầu tư nhiều hơn vào Việt Nam.

Những nhân tố quan trọng khác để gia tăng FDI vào Việt Nam là Chính phủ đã có thể duy trì ổn định chính trị - xã hội và tăng cường các hoạt động khuyến khích đầu tư.

Việt Nam dự kiến thu hút tổng FDI vào khoảng 55 - 60 tỷ US\$ trong năm nay, tức gấp ba lần con số của năm 2007 [3], [5]. Đa số đầu tư tập trung vào ngành xây dựng, điện tử, viễn thông, và các lĩnh vực công nghệ cao khác.

Việt Nam đã được ghi tên vào danh sách 10 đất nước hàng đầu trên thế giới về phương diện thu hút đầu tư của các công ty đa quốc gia, đạt mức lớn nhất

trong thời kỳ 2007 - 2009, theo Hội đồng Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD).

Theo nhiều báo cáo, Việt Nam đang vượt qua Trung Quốc, Thái Lan và Ấn Độ về phương diện thu hút FDI trong ngành dệt may, giày dép và điện tử chủ yếu do có chi phí lao động thấp [17], [18].

Ngoài ra, Việt Nam được xem xét để có vị trí cao trong số 20 nền kinh tế mới nổi của thế giới về phương diện có mức độ hấp dẫn cao đối với các nhà sản xuất và các nhà đầu tư trong việc hỗ trợ các ngành công nghiệp.

Bảy trong số mười nhà đầu tư hàng đầu trong thời kỳ 1988 - 2008 là Hàn Quốc (14 tỷ US\$), Singapor (12 tỷ US\$), Đài Loan (11 tỷ US\$), Hồng Kông (6 tỷ US\$), Malaysia (4,2 tỷ US\$), và Trung Quốc (1,8 tỷ US\$). [19].

70% FDI đã đầu tư vào ngành sản xuất công nghiệp bao gồm ngành xây dựng. 30% còn lại của FDI đã đầu tư vào ngành ngân hàng, tài chính, du lịch, và nông nghiệp.

Xét theo vị trí địa lý thì 25% đã đầu tư vào các tỉnh miền Bắc và 55% vào các tỉnh miền Nam [1].

Việt Nam đã ký kết các hiệp định không đánh thuế hai lần với một số đất nước.

Dòng chảy tự do của FDI vào các đất nước đang phát triển đòi hỏi tình hình chính trị ổn định và tiền lương thấp. Việt Nam có cả hai. Tiền lương cho người Việt Nam trong ngành sản xuất công nghiệp là bằng 65% so với Trung Quốc và 80% so với Ấn Độ. Không có đình công hoặc những tranh chấp về lao động.

Lao động Việt Nam có chi phí lao động thấp, trẻ, làm việc chăm và trình độ giáo dục cao là nhân tố quan trọng làm cho Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất công nghiệp nổi tiếng ở châu Á.

FDI đã đóng góp cho gia tăng vốn đầu tư phát triển, công suất sản xuất và giá trị xuất khẩu cho nền kinh tế Việt Nam. Đã có đánh giá rằng khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài đóng góp 14% GDP, hơn 20% tổng đầu tư toàn xã hội và hơn 1/3 tổng doanh thu xuất khẩu của Việt Nam (không bao gồm dầu thô) [6], [14].

Trong năm năm qua, FDI đã đóng góp khoảng 1 tỷ US\$ một năm cho ngân sách nhà nước, trực tiếp tạo ra khoảng 800.000 việc làm và gián tiếp tạo ra khoảng 2 triệu việc làm khác [14].

Chính phủ cũng đã nói lỏng các quy định và các chính sách về cấp giấy phép. Trước đây, cơ quan có thẩm quyền địa phương chỉ cấp giấy phép cho các dự án đầu tư có giá trị đến 5 triệu. Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội được phép cấp giấy phép cho các dự án có vốn đầu tư lớn.

Các ban quản lý của các khu công nghiệp có quyền cấp giấy phép cho các dự án với giá trị lên đến 40 triệu US\$. Một số địa phương thậm chí còn áp dụng các hệ thống cấp giấy phép điện tử để tăng tốc việc cấp giấy phép đăng ký [11].

Mỗi năm có khoảng 80.000 kỹ sư công nghệ thông tin tốt nghiệp các trường đại học. 83% người dân có trình độ giáo dục cơ sở. Ngành vật liệu xây dựng và y tế đang phát triển mạnh.

Các mức tiết kiệm đã đang gia tăng từ 5% trong 5 năm trước đây lên đến 35% hiện nay. Việt Nam cũng đã hoan nghênh Việt kiều đầu tư vào Việt Nam.

Tiền gửi về từ nước ngoài trong năm 2007 là vào khoảng 7 tỷ US\$. Vốn ODA (Vốn Hỗ trợ Phát triển) Việt Nam đã nhận là hơn 3 tỷ US\$, chủ yếu dùng cho phát triển cơ sở hạ tầng [4].

Dự án đầu tư nước ngoài lớn nhất ở Việt Nam, về phương diện quy mô và vốn đầu tư, là dự án đầu tư vào tỉnh Hà Tĩnh ở miền Trung Việt Nam. Tập đoàn Formosa của Đài Loan đang đầu tư 7,8 tỷ US\$ vào tổ hợp sắt thép và cảng nước sâu Sơn Dương.

Tổ hợp sắt thép này được thiết kế để có công suất sản xuất 7,5 triệu tấn sắt thép một năm và cảng nước sâu Sơn Dương sẽ có công suất giải quyết 30 triệu tấn hàng một năm trong giai đoạn đầu tiên. Dự án này dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2011. Số việc làm được tạo ra sẽ vào khoảng 10.000 [8].

Tập đoàn Formosa dự kiến đầu tư khoảng 8,2 tỷ US\$ trong giai đoạn hai để gấp đôi công suất của tổ hợp sắt thép và cảng nước sâu Sơn Dương.

Những lợi thế so sánh FDI của Việt Nam

FDI an toàn có bảo đảm, chính trị và xã hội ổn định, và nhất là hầu như không có tranh chấp lao động là nhân tố quan trọng làm cho Việt Nam đã thành công trong việc thu hút FDI trong thập kỷ vừa qua.

Việt Nam có sức mua của hơn 85 triệu dân đang phát triển nhanh. Nghèo đói đã giảm hơn một nửa. Lực lượng lao động trẻ làm việc chăm chỉ, ham học và có kỷ luật cũng là một lợi thế tương đối trong việc thu hút FDI. Tiến công trung bình có tính cạnh tranh so với các đất nước bên cạnh. Vị trí địa lý của Việt Nam, các nguồn tài nguyên thiên nhiên (dầu khí, bauxite, và các khoáng sản khác) là những nhân tố khác thu hút FDI vào Việt Nam.

5. Những thách thức Việt Nam phải đối mặt

Sau đây là một vài thách thức Việt Nam phải đối mặt khi thu hút FDI :

- Chi phí cao cho hoạt động kinh doanh.

- Khó chiêu mộ các người tài.
- Thuế công ty và thuế thu nhập cá nhân (hơn 40% tổng thu nhập) là cao hơn so với Trung Quốc, Ấn Độ và Thái Lan.
- Cơ sở hạ tầng yếu kém và cắt điện bất ngờ là chuyện thường xảy ra. Điều này cũng thường thấy trong các khu công nghiệp và các khu chế xuất. Những nhân tố này ngăn cản các nhà đầu tư chuyển đầu tư công nghệ cao vào Việt Nam. Ấn Độ cũng gặp phải các vấn đề như vậy và Trung Quốc cũng vậy ở mức độ nhất định.
- Ưu thế về chi phí lao động thấp bị giảm dần tác dụng vì chi phí lao động dần tăng lên.
- Mặc dù đã có một số sửa đổi trong Luật Đầu tư FDI vào Việt Nam, môi trường đầu tư vẫn chưa có tính cạnh tranh so với Luật Đầu tư của một vài đất nước bên cạnh.
- Khó chuyển lợi nhuận và vốn.
- Thiếu Luật về Quyền Sở hữu Trí tuệ và lan tràn nạn hàng giả.
- Việc sáp nhập và mua bán công ty là rất hạn chế và phiền phức.
- Việc liên doanh với công ty tư nhân nội địa có yêu cầu về thực hiện các thủ tục xin giấy phép đặc biệt, mất nhiều thời gian và có độ khó cao hơn so với Trung Quốc, Ấn Độ và Thái Lan.
- Các quyền phân phối bị hạn chế.
- Quyền sử dụng đất vẫn còn phức tạp.
- Các liên doanh có FDI đã được thành lập chủ yếu với các công ty nhà nước. Các liên doanh với các công ty tư nhân còn có ít và bị hạn chế.
- Các nhà đầu tư nước ngoài gặp khó khăn trong việc thực hiện các yêu cầu do địa phương áp đặt do trình độ thấp của các nhà cung cấp nội địa.
- Một số ngành và các thị trường vẫn chưa mở cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài.
- Bệnh quan liêu, nền hành chính nặng nề và tính minh bạch thấp là những yếu kém của môi trường FDI.
- Hiệu lực thực thi pháp luật thì không nhất quán và không đồng bộ. Việc giải thích về luật và việc thực thi luật còn phụ thuộc nhiều vào các cơ quan địa phương.
- Tham nhũng.
- Việt Nam có các nguồn tài nguyên thiên nhiên to lớn, tuy nhiên vẫn còn thiếu các nhà máy lọc dầu và hoá dầu. Do đó, Việt Nam xuất khẩu dầu thô và nhập xăng với giá trị gia tăng cao và các sản phẩm hoá dầu.

– Các điều kiện sống cho người nước ngoài (Việt kiều) cần có những cải tiến. Vẫn còn thiếu nhà ở có chất lượng, có ít trường quốc tế, có ít các trung tâm thương mại với mua bán lương thực và các mặt hàng khác.

– Thiếu công nhân viên nói tiếng Anh.

6. Các khuyến nghị

Việt Nam đang phải cạnh tranh khốc liệt, nhất là với Trung Quốc, Ấn Độ và Thái Lan trong việc thu hút FDI. Trung Quốc đã đang đầu tư nhiều vào việc phát triển cơ sở hạ tầng của mình và Thái Lan cũng làm công việc tương tự. Hiện nay, Ấn Độ cũng làm công việc tương tự, mặc dù tình trạng thiếu điện là trầm trọng. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đi chậm trong việc phát triển cơ sở hạ tầng của mình.

Lạm phát và tiền công đang gia tăng ở Trung Quốc. Chính phủ đã đang áp đặt hình phạt đối với các ngành xuất khẩu có dùng quá nhiều các nguồn năng lượng quý giá và các nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chiến lược khác.

Ngoài ra, các công ty nước ngoài còn bị thiệt hại do đồng Nhân dân tệ Trung Quốc đã lên giá hơn 20% so với hai năm trước. Đồng tiền này được dự kiến còn tiếp tục lên giá. Giá điện cho công nghiệp (trên kwh) hiện nay đã gần bằng mức ở Tây Âu.

Ngoài ra, do thiếu những người có tài, tốc độ chuyển đổi công việc của các người có tài là rất cao ở Trung Quốc (từ 10 đến 30%). Ấn Độ và Thái Lan cũng gặp phải tình trạng bị thiếu người có tài.

Các khuyến nghị cho các công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.

Mặc dù bị lạm phát cao và cơ sở hạ tầng yếu kém ở Việt Nam, các công ty nước ngoài rất nên tiếp tục đầu tư vào Việt Nam, vì hoạt động ở Việt Nam yêu cầu chi phí tương đối thấp so với Trung Quốc, Ấn Độ và Thái Lan. Tiền công thấp và có tính cạnh tranh so với các nước khác của châu Á. Ở Việt Nam, tương đối dễ bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Thị trường nội địa Việt Nam với 85 triệu dân tương đối trẻ sẽ tiếp tục tăng trưởng cùng với các mức độ tăng trưởng kinh tế cao. Vị trí của Việt Nam rất thích hợp cho đầu tư và xuất khẩu.

Cuộc sống ở Việt Nam chỉ yêu cầu một mức chi phí thấp đối với các Việt kiều (người nước ngoài). Ngoài ra, Việt Nam hầu như không có đình công và tranh chấp về lao động.

Các khuyến nghị cho các cơ quan xây dựng chính sách.

Để thu hút FDI vào Việt Nam, một việc rất quan trọng là phải tiếp tục cải tiến môi trường đầu tư. Những cải tiến chính cần phải thực hiện trong những lĩnh vực

sau đây : cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện dễ dàng hơn cho việc gửi lợi nhuận và tiền bản quyền về nước mình, việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tạo điều kiện dễ dàng hơn trong việc mua bán và chuyển nhượng đất, giảm tệ quan liêu và hành chính, nâng cao các điều kiện sống cho người nước ngoài. Cần có hành động nghiêm túc để loại trừ tham nhũng đang lan rộng.

Con đường phía trước Việt Nam còn dài phải đi tiếp để làm cho môi trường FDI có tính cạnh tranh. Môi trường kinh doanh và kinh tế cùng với cơ sở hạ tầng (cung cấp điện và nước sạch) cần tiếp tục cải tiến nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế với Trung Quốc, Ấn Độ, và các đất nước khác trong ASEAN.

Các thủ tục sau giấy phép, nhất là về vấn đề trao đổi ngoại tệ, giải phóng mặt bằng, thuế và thủ tục hải quan cần được đơn giản hoá với tốc độ nhanh hơn.

Việt Nam phải có nhiều cố gắng và đầu tư các nguồn lực kinh tế vào việc đào tạo và tái đào tạo cho lực lượng lao động của mình. Chất lượng lực lượng lao động Việt Nam phải được nâng cao theo nhiều phương pháp khác nhau, như đào tạo theo ngành và dạy nghề, quản lý chất lượng và dịch vụ, và các kỹ năng về tiếng nước ngoài. Các cơ sở đào tạo thuộc loại này sẽ cung cấp và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về công nhân lành nghề đang là của hiếm tương phản với số lượng lớn người lao động chưa được đào tạo và thất nghiệp đi đến từ các khu vực khác nhau.

Việt Nam cũng phải tiếp tục tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư ở những đất nước có tiềm năng đầu tư thông qua việc cung cấp thông tin về những cơ hội đầu tư và môi trường đầu tư ở Việt Nam. Thông tin cho các nhà đầu tư thông qua internet hoặc các trang web chưa được coi là đủ. Những phương tiện truyền thông khác phải được sử dụng. Tất cả những biện pháp này sẽ làm cho Việt Nam trở thành nơi có tính cạnh tranh cao về thu hút FDI so với Trung Quốc, Ấn Độ, và Thái Lan.

Nếu hoàn thành tốt các việc nêu trên, FDI sẽ có mặt khắp nơi như đang diễn ra ở Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan và Thái Lan. Làm tốt công việc này có ý nghĩa dài hạn vì sự phát triển của công nghiệp Việt Nam, nền kinh tế Việt Nam và mức sống nhân dân.

CHÚ THÍCH

- * Tài liệu này sử dụng các nguồn thứ nhất và thứ hai. Những cuộc phỏng vấn đã được thực hiện với các quan chức chính phủ và các thành viên của Phòng Thương mại Châu Âu. Ngoài ra, những chuyến thăm đã được tiến hành đến các công ty sản xuất và các khu công nghiệp và khu chế xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chính phủ Australia, Bộ Ngoại giao và Thương mại, *Báo cáo tóm tắt về Việt Nam: 11/2008*, Canberra, Australia.
- [2] CIA, *Sách tìm hiểu thế giới*, 11/2008, Washington, DC.
- [3] Cơ quan Giám điệp Kinh tế, dự báo về đất nước, *Việt Nam*, 8/2008, London, Vương quốc Anh.
- [4] Tổng cục Thống kê Việt Nam, *Dữ liệu Thống kê*, 11/2008, Hà Nội, Việt Nam.
- [5] Công ty Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, *Báo cáo Chiến lược*, 8/2008, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- [6] HSBC Nghiên cứu Thế giới, *Theo dõi Việt Nam* (số 19), 05/11/2008, Hồng Kông.
- [7] Lê Đăng Doanh, *Đầu tư nước ngoài trực tiếp vào Việt Nam : Các kết quả, những thành công, những thách thức, và triển vọng*, Hội nghị về Đầu tư Nước ngoài Trực tiếp, Hà Nội, 16-17/8/2002. Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF, Washington, USA .
- [8] Bộ Ngoại giao, *Thủ tướng quyết định về tổ hợp cảng thép Đài Loan đầu tư*, 11/2008, Hà Nội, Việt Nam.
- [9] N. Mark Lam and John L. Graham, *Trung Quốc hiện nay: Tiến hành Kinh doanh trên Thị trường năng động nhất thế giới*, 2007, New York: McGraw-Hill.
- [10] N. Rajadhyaksha, *Sự phát triển của Ấn Độ: Chuyển đổi từ nghèo đói sang thịnh vượng*, 2007, Singapor : Wiley & Sons.
- [11] Nguyễn Ngọc Anh và Nguyễn Thắng, *Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam: Tổng quan và phân tích những nhân tố phân phối theo vị trí trong các tỉnh*, Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và Chính sách & Trung tâm Phân tích và Dự báo, 11/2007, Hà Nội, Việt Nam.
- [12] Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, 11/2008, Bắc Kinh.
- [13] Thời báo *Thượng Hải*, *những vấn đề từ tháng 9 đến tháng 11/2008*.
- [14] Bộ Tài chính, 11/2008, Hà Nội, Việt Nam.
- [15] UN Yearbook (sách thống kê hàng năm của Liên hợp quốc), 2008, New York.
- [16] UNIDO, UNDP, SCCI, *Hướng dẫn đầu tư vào Việt Nam*, 2/1994, Thành phố Viên của Austria.

-
- [17] Thời báo *Kinh tế Việt Nam* (tiếng Anh), “FDI Việt Nam, 11/2008”, Hà Nội, Việt Nam.
- [18] Tạp chí *Đầu tư Việt Nam* (Tiếng Anh), “Những vấn đề từ 1999 đến 2008”, Hà Nội.
- [19] “Những đối tác Việt Nam, Những thông tin kinh tế chính về Việt Nam”, 11/2008, Website Bộ Ngoại giao, Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam.